

**PHỤ LỤC PHÍ, LỆ PHÍ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (CẤP TỈNH + CẤP XÃ)
TRÊN ĐỊA BÀN 40 XÃ THUỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC (CŨ)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1.	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Không quy định	Không quy định	
2.	1.012766	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.387.723 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.384.725 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.781.978 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ cá nhân:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 586.640 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 726.344 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 884.617 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <p>- Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường):</p> <p>- Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p> <p>- Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
3.	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.448.180 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.
4.	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ cá nhân: * Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.
5.	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ cá nhân: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
6.	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 862.159 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 810.831 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.113.384 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 258.648 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ cá nhân: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 592.660 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 541.332 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 755.906 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 210.100 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 50.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 50.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 20.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 50.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
7.	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp tách thửa: + Đối với đất: 862.159 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 810.831 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.113.384 đồng/giấy. - Trường hợp hợp thửa: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 258.648 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ cá nhân: - Trường hợp tách thửa: + Đối với đất: 592.660 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 541.332 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 755.906 đồng/giấy. - Trường hợp hợp thửa: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thửa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 210.100 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
8.	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 862.159 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 810.831 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.113.384 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 258.648 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ cá nhân: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 592.660 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 541.332 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 755.906 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 210.100 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 50.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 50.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 20.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 50.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
9.	1.012790	Đỉnh chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.386.709 đồng; + Đối với tài sản: 1.384.145 đồng; + Đối với đất và tài sản: 1.780.612 đồng. * Đối với hồ sơ cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 585.643 đồng; + Đối với tài sản: 724.954 đồng; + Đối với đất và tài sản: 882.066 đồng. Trường hợp đỉnh chính Giấy chứng nhận mà nguyên nhân do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
10.	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không. - Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: Thu phí, lệ phí, đơn giá theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không. - Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: Thu phí, lệ phí, đơn giá theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó). 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
11.	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.443.257 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
12.	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.443.257 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy. + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy. 	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
13.	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	<p>* Phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với thường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin Quốc gia về đất đai: Thu theo quy định tại Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính. - Đối với trường hợp còn lại: 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu); <p>* Ghi chú: Trường hợp trích lục thửa đất thì thu theo đơn giá trích lục.</p>	<p>*Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tổ chức: 30.000 đồng/hồ sơ. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): 10.000 đồng/hồ sơ. 	<p>(1) Áp dụng theo Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ Tài chính.</p> <p>(2) Áp dụng theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.</p> <p>(3) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
14.	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy; + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chi áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
15.	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng; - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy; + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy; + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
16.	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy; + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy; + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
17.	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
18.	1.013831	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: * Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. * Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: - Chuyên đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 1.443.257 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. - Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 1.445.286 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.437.988 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.857.280 đồng/giấy. - Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: + Đối với đất: 1.398.745 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.391.032 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.796.822 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: * Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy;</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. * Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy. - Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 649.830 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 793.427 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 979.199 đồng/giấy. - Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 597.470 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 741.443 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 912.330 đồng/giấy. 		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
19.	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	<p>* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.622.000 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <p>* Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.350.000 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.347.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.734.000 đồng/giấy. <p>* Có thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.356.000 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.350.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.742.000 đồng/giấy. <p>* Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.360.000 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.743.000 đồng/giấy. 	<p>* Lệ phí đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 25.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 100.000 đồng/giấy. - Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận cả đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
20.	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.443.257 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
21.	1.013980	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản</p>	<p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: * Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo, kết quả giải quyết tranh chấp đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy. * Trường hợp Quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: + Đối với tài sản: 805.746 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.001.810 đồng/giấy. * Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp: + Đối với đất: 649.830 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 793.427 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 979.199 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp:</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
		nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 1.450.648 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.441.220 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.864.371 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 655.488 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 801.014 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 992.487 đồng/giấy. 		
22.	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với tổ chức: không quy định. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 647.840 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.456 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 973.326 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
23.	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.450.648 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.441.220 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.864.371 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 655.488 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 801.014 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 992.487 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
24.	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
25.	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp lần đầu: + Đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng. - Trường hợp Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.443.257 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.436.827 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.854.548 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp lần đầu: + Đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất thừa lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy. - Trường hợp Đăng ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 974.097 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
26.	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử	Không quy định	Không quy định	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
		dụng đất để thực hiện dự án đầu tư			
27.	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	<p>* Phí thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng. - Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. 	Không quy định	Áp dụng Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.
28.	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với tài sản: 1.443.134 đồng/giấy; + Đối với cả đất và tài sản: 1.869.391 đồng/giấy. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với tài sản: 805.746 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.001.810 đồng/giấy. 	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. <p>* Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
29.	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	<p>* Đối với tổ chức: - Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận: + Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 1.668.311 đồng/giấy; + Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 1.439.436 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 949.123 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: 644.271 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: 25.000 đồng/giấy; - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1.	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	<p>* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Đối với đất: 949.123 đồng/giấy. - Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy. - Đối với cả đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
2.	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 1.668.311 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.636.708 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 2.141.704 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 1.386.709 đồng; + Đối với tài sản: 1.384.145 đồng; + Đối với đất và tài sản: 1.780.612 đồng. * Đối với hồ sơ cá nhân: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.123 đồng/giấy; + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 585.643 đồng; + Đối với tài sản: 724.954 đồng; + Đối với đất và tài sản: 882.066 đồng. <p>Trường hợp đính chính Giấy chứng nhận mà nguyên nhân do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: * Đối với hồ sơ tổ chức: - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
3.	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không. - Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: đơn giá theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó). + Đối với đất: 592.660 đồng; + Đối với tài sản: 541.332 đồng; + Đối với đất và tài sản: 755.906 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận: Không. - Đối với trường hợp do lỗi của người sử dụng đất: Thu Lệ phí theo thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (thủ tục đã cấp Giấy chứng nhận trước đó). * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): 20.000 đồng/giấy; 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
4.	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. <p>- Đơn giá cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy. <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
5.	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chi áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
6.	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy. * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
7.	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	<p>* Đối với hồ sơ tổ chức: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy.</p> <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ tổ chức: + Đối với đất: 100.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước. (2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
8.	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	<p>*Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 1.941.376 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với tài sản: 2.082.032 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.795.063 đồng/giấy. <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 582.413 đồng/giấy.</p> <p>*Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: 4.000.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh) và 300.000 đồng (đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở) - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp GCN đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp GCN đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. <p>* Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy.</p>	<p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:</p> <p>* Đối với hồ sơ tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đất: 100.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 500.000 đồng/giấy. <p>* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. - Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
9.	1.013962	<p>Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở</p>	Không quy định	Không quy định	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
10.	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> * Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: - Phí thẩm định: + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng; + Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. - Đơn giá cấp Giấy chứng nhận: + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất: 2.004.175 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản: 2.025.883 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản: 2.872.871 đồng/giấy. * Ghi chú: Trường hợp nhiều thửa đất lập chung trong 01 hồ sơ và cấp chung 01 GCN hoặc 01 hồ sơ mà nhiều GCN thì đơn giá đối với mỗi thửa đất (GCN) tăng thêm là: 559.812 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: - Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy; + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
11.	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	<p>Cơ quan chủ trì tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm xây dựng, dự toán bố trí kinh phí thực hiện việc đo đạc, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: + Đối với đất: 949.12 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 1.092.094 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 1.389.688 đồng/giấy. - Trường hợp chỉnh lý Giấy chứng nhận đã cấp: + Đối với đất: 647.835 đồng/giấy. + Đối với tài sản: 790.647 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 976.335 đồng/giấy. 	<p>Cơ quan chủ trì tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm xây dựng, dự toán bố trí kinh phí thực hiện việc đo đạc, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đăng ký và cấp giấy (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường): - Trường hợp cấp mới: + Đối với đất: 25.000 đồng/giấy. + Đối với đất và tài sản: 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp đăng ký biến động không cấp mới Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/giấy 	<p>(1) Áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.</p> <p>(2) Áp dụng theo Văn bản số 2700/VPĐK-HCTH ngày 28/8/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.</p>
12.	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	<p>Phí thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh: 4.000.000 đồng. - Đối với hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất để làm nhà ở: 300.000 đồng. 	Không	Áp dụng theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giá và phí	Lệ phí	Ghi chú
13.	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	Không quy định	
14.	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Không quy định	Không quy định	
15.	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	Không quy định	Không quy định	Không quy định